

 nhà ga	 quầy làm thủ tục	o balcão de check-in Tôi đã thấy quầy làm thủ tục. Eu vi o balcão de check-in. Lição 169 · Voando	o terminal Cô ấy đợi gần nhà ga sân bay. Ela esperou perto do terminal do aeroporto. Lição 169 · Voando
 thẻ lên máy bay	 cổng	o portão Cổng lên máy bay của chúng ta ở đâu? Onde fica o portão do nosso voo? Lição 169 · Voando	o cartão de embarque Đây là thẻ lên máy bay của tôi. Este é o meu cartão de embarque. Lição 169 · Voando
 kiểm tra an ninh	 hành lý xách tay	a mala de mão Anh ấy cũng có một chiếc hành lý xách tay. Ele tem uma mala de mão também. Lição 169 · Voando	a revista de segurança Bạn đã bao giờ trượt kiểm tra an ninh chưa? Você já foi reprovado em uma revista de segurança? Lição 169 · Voando
 hành lý ký gửi	 nơi nhận hành lý	a esteira de bagagem Họ đang đợi ở nơi nhận hành lý. Eles esperam na esteira de bagagem. Lição 169 · Voando	bagagem despachada Đây là hành lý ký gửi của tôi. Esta é a minha bagagem despachada. Lição 169 · Voando

 kiểm soát hộ chiếu	 hải quan	a alfândega Bạn phải đi qua hải quan. Você precisa passar pela alfândega. Lição 169 · Voando	o controle de passaportes Kiểm soát hộ chiếu ở sân bay này nằm ở đâu? Onde fica o controle de passaportes neste aeroporto? Lição 169 · Voando
 dây an toàn	 nhiều động	a turbulência Máy bay đã gặp một chút nhiễu động. O avião teve um pouco de turbulência. Lição 169 · Voando	o cinto de segurança Dây an toàn này giúp bạn được an toàn. Este cinto de segurança mantém você seguro. Lição 169 · Voando
 bảng thông tin chuyến đi	 bảng thông tin chuyến bay đến	o painel de chegadas Hôm nay chúng tôi đã kiểm tra bảng thông tin chuyến bay đến. Conferimos o painel de chegadas hoje. Lição 168 · Na estação	o painel de partidas Bảng thông tin chuyến đi hiển thị các chuyến tàu. O painel de partidas mostra os trens. Lição 168 · Na estação
 máy bán vé	 xác nhận vé	validar a passagem Bạn phải xác nhận vé ngay bây giờ. Você deve validar sua passagem agora. Lição 168 · Na estação	a máquina de passagens Cô ấy đã dùng máy bán vé rất nhanh. Ela usou a máquina de passagens rapidamente. Lição 168 · Na estação

 tàu trực tiếp	 tàu tốc hành	trem expresso Tàu tốc hành rất nhanh. Um trem expresso é muito rápido. Lição 168 · Na estação	trem direto Chuyến tàu trực tiếp đó sẽ đến rất sớm. Aquele trem direto chega muito em breve. Lição 168 · Na estação
 đổi tàu	 chuyến tàu cuối	último trem Anh ấy đã lỡ chuyến tàu cuối về nhà. Ele perdeu o último trem para casa. Lição 168 · Na estação	trocar de trem Chúng tôi đổi tàu tại nhà ga. Nós trocamos de trem na estação. Lição 168 · Na estação
 chuyến tàu đầu tiên	 đặt chỗ	a reserva de assento Tôi cần đặt chỗ cho ngày mai. Preciso de uma reserva de assento para amanhã. Lição 168 · Na estação	primeiro trem Họ đã bắt được chuyến tàu đầu tiên một cách dễ dàng. Eles pegaram o primeiro trem facilmente. Lição 168 · Na estação
 ghế cạnh cửa sổ	 ghế lối đi	o assento do corredor Ghế lối đi rất tốt. O assento do corredor é muito bom. Lição 168 · Na estação	assento da janela Đó là ghế cạnh cửa sổ của tôi. Aquele é o meu assento da janela. Lição 168 · Na estação

 quầy lễ tân	 phòng đôi	o quarto duplo Họ đã đặt một phòng đôi trên mạng. Eles reservaram um quarto duplo online. Lição 170 · Hotéis e estadias	a recepção Quầy lễ tân ở khách sạn rất nhiệt tình. A recepção do hotel é muito prestativa. Lição 170 · Hotéis e estadias
 phòng đơn	 thẻ từ	o cartão-chave Đây là thẻ từ của tôi. Este é o meu cartão-chave. Lição 170 · Hotéis e estadias	o quarto de solteiro Tôi đã đặt một phòng đơn ở đó. Eu reservei um quarto de solteiro lá. Lição 170 · Hotéis e estadias
 làm thủ tục nhận phòng	 thủ tục thanh toán	o check-out Họ đang làm thủ tục thanh toán. Eles estão fazendo o check-out agora. Lição 170 · Hotéis e estadias	o check-in Cô ấy đang làm thủ tục nhận phòng. Ela faz o check-in agora. Lição 170 · Hotéis e estadias
 dịch vụ phòng	 dịch vụ dọn phòng	a limpeza Khách sạn này cung cấp dịch vụ dọn phòng hàng ngày. Este hotel oferece limpeza diária. Lição 170 · Hotéis e estadias	o serviço de quarto Ai đã nghe điện thoại ở dịch vụ phòng vậy? Quem atendeu o telefone no serviço de quarto? Lição 170 · Hotéis e estadias

 không làm phiền	 điều hòa	o ar condicionado Căn phòng đó cần điều hòa. Aquele quarto precisa de ar condicionado. Lição 170 · Hotéis e estadias	Não perturbe Xin đừng làm phiền vị khách đang ngủ. Não perturbe o hóspede dormindo. Lição 170 · Hotéis e estadias
 thang máy	 chỗ gửi hành lý	o guarda-volumes Chỗ gửi hành lý giá bao nhiêu một ngày? Quanto custa o guarda-volumes por dia? Lição 170 · Hotéis e estadias	o elevador Thang máy đi lên và đi xuống. O elevador sobe e desce. Lição 170 · Hotéis e estadias
 chuyến tham quan có hướng dẫn	 hướng dẫn viên	o guia turístico Cô ấy đã cảm ơn hướng dẫn viên một cách lịch sự. Ela agradeceu educadamente ao guia turístico. Lição 174 · Passeios e tours	excursão guiada Một chuyến tham quan có hướng dẫn cho chúng ta thấy các địa điểm. Uma excursão guiada nos mostra lugares. Lição 174 · Passeios e tours
 bảo tàng	 phòng tranh	galeria de arte Hôm nay họ đã đi thăm một phòng tranh. Eles visitaram uma galeria de arte hoje. Lição 174 · Passeios e tours	o museu Bảo tàng có nhiều cổ vật cũ. O museu tem muitos artefatos antigos. Lição 174 · Passeios e tours

 nhà thờ lớn	 lâu đài	o castelo Cô ấy đã vẽ một bức tranh về một lâu đài. Ela desenhou um castelo. Lição 174 · Passeios e tours	a catedral Nhà thờ lớn này có những tòa tháp rất cao. Esta catedral tem torres muito altas. Lição 174 · Passeios e tours
 nhà thờ	 nhà thờ Hồi giáo	a mesquita Hôm nay họ đã đến thăm một nhà thờ Hồi giáo rất đẹp. Eles visitaram uma linda mesquita hoje. Lição 174 · Passeios e tours	a igreja Một nhà thờ nằm ở trung tâm thành phố. Uma igreja fica no centro da cidade. Lição 174 · Passeios e tours
 phí vào cửa	 giờ mở cửa	horário de funcionamento Giờ mở cửa của bạn là khi nào? Qual é o seu horário de funcionamento? Lição 174 · Passeios e tours	a taxa de entrada Hôm nay chúng tôi đã trả phí vào cửa. Pagamos a taxa de entrada hoje. Lição 174 · Passeios e tours
 quà lưu niệm	 điểm hẹn	o ponto de encontro Anh ấy đã tìm thấy điểm hẹn một cách dễ dàng. Ele encontrou o ponto de encontro facilmente. Lição 174 · Passeios e tours	a lembrança Món quà lưu niệm đó là từ chuyến đi của tôi. Aquela lembrança é da minha viagem. Lição 174 · Passeios e tours

 lịch trình	 chuyến kết nối	a conexão Chúng ta không được bỏ lỡ chuyến kết nối này! Não podemos perder esta conexão! Lição 175 · Planos de viagem	o roteiro Họ đã đi theo lịch trình chi tiết của mình. Eles seguiram o roteiro detalhado deles. Lição 175 · Planos de viagem
 thời gian quá cảnh	 chuyển	transferir Cô ấy có thể chuyển sang một chuyến bay khác. Ela pode transferir para outro voo. Lição 175 · Planos de viagem	a escala Hôm nay bạn có thời gian quá cảnh dài. Você tem uma escala demorada hoje. Lição 175 · Planos de viagem
 giờ khởi hành	 giờ đến	horário de chegada Giờ đến là gần trưa. O horário de chegada é quase meio-dia. Lição 175 · Planos de viagem	horário de partida Đó là giờ khởi hành bây giờ. Esse é o horário de partida agora. Lição 175 · Planos de viagem
 xác nhận	 mã đặt chỗ	código de reserva Tôi có thể tìm mã đặt chỗ của mình ở đâu? Onde posso encontrar meu código de reserva? Lição 175 · Planos de viagem	a confirmação Họ cần một bản xác nhận chuyến bay. Eles precisam de uma confirmação de voo. Lição 175 · Planos de viagem

 hủy	 thay đổi	mudar Bạn có thể thay đổi lịch đặt chỗ tại quầy. Você pode mudar a reserva no balcão. Lição 175 · Planos de viagem	cancelar Tôi phải hủy đặt chỗ ngay lập tức. Eu preciso cancelar a reserva imediatamente. Lição 175 · Planos de viagem
 hành lý quá cước	 bảo hiểm du lịch	seguro de viagem Anh ấy cần bảo hiểm du lịch để đảm bảo an toàn. Ele precisa de seguro de viagem para segurança. Lição 175 · Planos de viagem	bagagem extra Hành lý quá cước có thể rất đắt. Bagagem extra pode ser cara. Lição 175 · Planos de viagem